

Bản án số: 67/2026/ HNGĐ-ST
Ngày: 13.4.2026.
V/v “Tranh chấp Hôn nhân & gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - N

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thanh
và Ông Phan Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6, N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - N tham gia phiên tòa:
Bà Lại Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hôn nhân & gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2026/QĐST- HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 2003; Nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, tỉnh N. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Vương Danh N; Sinh năm: 2000; Nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, tỉnh N; Nơi ở hiện nay: Đang sinh sống và làm việc tại Slovakia (không rõ địa chỉ cụ thể). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vương Danh N đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Thành, huyện Yên Thành (Nay là xã Đ), tỉnh N vào ngày 15/12/2021. Hôn nhân có tình cảm và hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian ngắn chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đã nhiều lần vợ chồng cố gắng hoà giải nhưng không có kết quả tốt, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống vợ chồng không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, hôn nhân đã bế tắc trầm trọng không thể kéo dài, thực tế vợ chồng đã số ly thân từ tháng 9/2025 khi ông Nhân đi nước ngoài lao động đến nay, mục đích hôn nhân

không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nhân để sớm ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là Vương Tuấn Khang, sinh ngày 27/4/2022. Hiện bà Liên đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, bà Phượng đề nghị Tòa án giao con chung cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu đến khi cháu trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Liên không yêu cầu ông Nhân cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà Liên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nội dung đề nghị xem xét giải quyết khác: Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và cũng do tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án xem xét không tiến hành hòa giải. Ngoài ra, bà còn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Ý kiến của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Vương Danh N vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì về việc ly hôn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho bị đơn trực tiếp có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nhưng do bị đơn đang ở Nước ngoài, gia đình người thân không cung cấp được địa chỉ nơi ở cụ thể của bị đơn. Tòa án đã nhiều lần liên hệ trực tiếp với chính quyền địa phương và gia đình ông Nhân để xác minh, tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn và yêu cầu bị đơn trực tiếp làm việc hoặc gửi bản tự khai trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình về nội dung xin ly hôn của nguyên đơn cho Tòa án biết. Các văn bản tố tụng gửi cho bị đơn được Tòa án tổng đạt cho thân nhân và niêm yết công khai theo đúng qui định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ để giải quyết vụ án. Sau khi xác minh thông tin của bị đơn thông qua người thân thì ông Vương Tiến Tình là bố đẻ của bị đơn có cung cấp một số thông tin như: Việc con dâu xin ly hôn thì Nhân và gia đình đã biết; gia đình đã nhận được thông báo thụ lý vụ án về việc con dâu xin ly hôn Nhân và các văn bản khác của Tòa án. Gia đình đã thông tin cho Nhân biết nhưng Nhân không có ý kiến gì. Gia đình bên nội mong Tòa án xem xét giúp đỡ hoà giải cho các con đoàn tụ. Nhân cũng thường xuyên liên lạc với gia đình và cũng mong muốn được đoàn tụ. Còn về nội dung yêu cầu người thân cung cấp địa chỉ nơi cư trú, làm việc hiện nay của bị đơn gia đình chỉ biết Nhân khi đi nước ngoài giấy tờ là ở Hungari sau đó sang Slovakia và hiện nay thì đang ở Cộng hoà Séc nên địa chỉ cụ thể thì không biết rõ nên rất mong Tòa án xem xét tạo điều kiện giúp đỡ để các cháu và gia đình hai bên bàn bạc thêm nếu không đoàn tụ được thì đề nghị giải quyết vụ án theo qui định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các cháu.

Ông Tình còn cho biết thêm Nhân đã chủ động trao đổi với Liên để xin cho Nhân một cơ hội nhưng Liên không chấp nhận thì cũng nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giao con chung cho Liên nuôi dưỡng, còn về tài sản chung cũng không yêu cầu gì. Ông Tình cam đoan các nội dung thông tin ông cung cấp là đúng sự thật.

Quá trình giải quyết vụ án đến ngày xét xử ông Nhân không có ý kiến

trình bày bằng văn bản gửi cho Toà án hoặc có mặt tại Toà án mặc dù Toà án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng đầy đủ hợp lệ cho bị đơn.

Tại các văn bản xác minh từ chính quyền địa phương và thân nhân của bị đơn của bị đơn cho biết: Bị đơn Vương Danh N có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xóm T, xã Đ, tỉnh N hiện bị đơn không có mặt tại địa phương, ông Nhân hiện đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể và bị đơn chỉ liên lạc thường xuyên về với gia đình qua điện thoại.

Tại công văn số 666/QLXNC - Đ1 ngày 11/02/2026 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh N cho biết ông Nhân xuất cảnh ngày 16/9/2025 qua cửa khẩu Sân bay Quốc tế Nội Bài hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án ông Nhân đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia các buổi làm việc, quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã thực hiện chưa đầy đủ và đúng các quyền và nghĩa vụ của mình được qui định tại các điều 70, 72 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng qui định.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, điều 35, điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 4, điều 207, điều 227, khoản 1 điều 228, điều 271, điều 273, điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 và Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Vương Danh N.

Về con chung: Giao con chung là cháu Vương Tuấn Khang, sinh ngày 27/4/2022 cho bà Nguyễn Thị L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nhân. Ông Nhân có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí bà Liên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vụ án Hôn nhân và Gia đình tuy không có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung. Nhưng Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ, tài

liệu nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại thời điểm Nguyên đơn xin ly hôn bị đơn cư trú tại xóm T, xã Đ, tỉnh N và hiện đang ở nước ngoài. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - N theo quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục hòa giải: Do nguyên đơn bà Liên đã có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ và hoà giải các quan hệ khác nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt nhưng thông qua người thân bị đơn đã có ý kiến, nguyện vọng về việc giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đầy đủ và hợp lệ. Vì vậy căn cứ khoản 1,3 Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt bị đơn. Như vậy, thấy đã có đủ căn cứ xác định bị đơn là ông Vương Danh N; Sinh năm: 2000; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Xóm T, xã Đ, tỉnh N tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đang ở nước ngoài và có liên hệ với thân nhân và không có yêu cầu phản tố gửi cho Tòa án để giải quyết tranh chấp theo đúng qui định nên Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Vương Danh N là hôn nhân hợp pháp, vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2021. Hôn nhân có tình cảm và hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống vợ chồng không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, hôn nhân đã bế tắc trầm trọng không thể kéo dài, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2025 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nhân để sớm ổn định cuộc sống.

Như vậy, thực tế vợ chồng đã sống ly thân, thấy vợ chồng mỗi người sinh sống một nơi không còn quan tâm gắn kết gia đình với nhau nữa, bản thân bà Liên đã dứt khoát ly hôn nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn để xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Vương Danh N theo qui định tại điều 56 Luật hôn nhân & gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vương Tuấn Khang, sinh ngày 27/4/2022. Xét thấy, việc yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung của bà Liên có cơ sở chấp nhận do hiện bà đang trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và bản thân bị đơn đang ở nước ngoài, không rõ thời điểm trở về và không xác định được địa chỉ nơi sinh sống và làm việc nên không có điều kiện trực tiếp nuôi con chung bằng bà Liên được nên Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung của vợ chồng cho bà Liên trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì sẽ đảm bảo quyền lợi, thuận lợi và tốt hơn cho cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Liên không yêu cầu ông Nhân phải cấp dưỡng nuôi con nên toà không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Liên và ông Nhân đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà Liên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Trung vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[7]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo qui định tại các điều 271, 273 và điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 28, điều 35, điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 4, điều 207, điều 227, khoản 1 điều 228, điều 271, điều 273 và điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84, điều 123 và điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Vương Danh N.

1.2. Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là Vương Tuấn Khang, sinh ngày 27/4/2022 cho bà Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Liên cho ông Vương Danh N.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: bà Nguyễn Thị L và ông Vương Danh N đều không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí của bà Liên được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002575 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh N.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Vương Danh N vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N trong

hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh N;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N;
- Sở Tư pháp tỉnh N;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – N;
- THADS tỉnh N (phòng THADS Khu vực 6 – N);
- UBND xã Đ, tỉnh N
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Phú